

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số **88/2023/DS-ST**
Ngày 20/9/2023
“*V/v tranh chấp về chia
tài sản chung và chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Đình Trị và ông Lưu Văn Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh- Thư ký TAND huyện T.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2023, tại trụ sở TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2021/TLST-DS ngày 05/11/2021 về “*Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966, địa chỉ thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953, địa chỉ thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Trần Thị B, sinh năm 1933, địa chỉ thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B đại diện tham gia tố tụng.

4- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958, địa chỉ số 56 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965, địa chỉ tổ 8B, phường H, thành phố T tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, địa chỉ thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1985; ông Nguyễn Sơn Tr, sinh năm 1992; địa chỉ tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Nguyễn Thành Ch, sinh năm 1983, địa chỉ tổ 5, khu phố 3, thị trấn T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1988; địa chỉ tổ 1, thôn Đ, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh.

Các ông bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn M, có mặt tại phiên tòa. Các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]-Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn H và bà Trần Thị B có sáu người con ruột gồm các ông bà Nguyễn Văn M, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị B. Ông Nguyễn Trọng H chết năm 2011 có vợ là bà Bùi Thị Th và có các con là Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A và Nguyễn Trường S. Ông Nguyễn H chết năm 2019 không để lại di chúc. Ông Nguyễn H và bà Trần Thị B tạo lập được khối tài sản tại xã B gồm:

- Thừa đất số 675 tờ bản đồ số 25, diện tích 2030,1m² (gồm 300m² đất ở, 1.730,1m² đất cây lâu năm) và ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất.

- Thừa đất số 714 tờ bản đồ số 25, diện tích 806,3m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

- Thừa đất số 215 diện tích 308,4m² và 262 diện tích 570,1m² tờ bản đồ số 25, loại đất trồng lúa nước.

Năm 2020, bà B có xây cho bà Trần Thị B một ngôi nhà kiên cố trên một phần của thửa đất số 675 để mẹ con cùng ở. Bà B đã nhiều lần yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn H nhưng ông Nguyễn Văn M không đồng ý. Bà B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật khối di sản của ông Nguyễn H trong khối tài sản chung với bà Trần Thị B gồm thửa đất số 675 tờ bản đồ số 25, diện tích 2030,1m²; ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất số 714, tờ bản đồ số 25, diện tích 806,3m². Đối với ngôi nhà xây năm 2020 là tài sản riêng của bà Trần Thị B nên bà B không yêu cầu chia.

[2]-Ý kiến của bị đơn:

Ông Nguyễn Văn M thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị B về những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn H gồm: vợ là bà Trần Thị B, các con là Nguyễn Văn M, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị B; vợ và con ông Nguyễn Trọng H gồm Bùi Thị Th, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường S. Đồng thời thống nhất khối di sản của cha ông là ông Nguyễn H để lại trong khối tài sản chung với mẹ ông là bà Trần Thị B gồm thửa đất số 675 tờ bản đồ số 25, diện tích 2030,1m²; ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất và thửa đất số 714 tờ bản đồ số 25, diện tích 806,3m² tại xã B.

Hiện tại các anh em trong gia đình chưa thống nhất việc chia thừa kế di sản của ông Nguyễn H để lại là do trong nội bộ gia đình chưa dàn xếp được việc thờ

cúng và mô mã ông bà. Vì vậy, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. Đối với ngôi nhà bà Nguyễn Thị B xây dựng cho bà Trần Thị B vào năm 2020, ông M không có ý kiến gì.

[3]-Ý kiến của bà Trần Thị Bích:

Bà Trần Thị B và ông Nguyễn H có sáu người con ruột là Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị B và Nguyễn Trọng H. Ông Nguyễn Trọng H có vợ là bà Bùi Thị Th các con là Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường S.

Bà B và ông H có tạo dựng được khối tài sản tại xã B gồm:

-Thửa đất số 675 tờ bản đồ số 25, diện tích 2030,1m² (gồm 300m² đất ở và 1.730,1m² đất cây lâu năm) và ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất.

-Thửa đất số 714 tờ bản đồ số 25, diện tích 806,3m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

-Thửa đất số 215 diện tích 308,4m² và 262 diện tích 570,1m² tờ bản đồ số 25, loại đất trồng lúa nước.

Năm 2020, bà Nguyễn Thị B xây dựng cho bà Bích ngôi nhà kiên cố trên một phần thửa đất số 675 để mẹ con cùng ở.

Bà B yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông H, đồng thời chia thừa kế di sản của ông H trong khối tài sản chung với bà gồm: gồm thửa đất số 675 tờ bản đồ số 25, diện tích 2030,1m²; ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất và thửa đất số 714 tờ bản đồ số 25, diện tích 806,3m².

Bà B có yêu cầu nhận đất và nhà, đồng thời sẽ có nghĩa vụ bồi trả tiền cho những người thừa kế khác. Đối với ngôi nhà bà Nguyễn Thị B xây cho bà B vào năm 2020 là tài sản riêng của bà B.

[4]-Ý kiến của bà Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Th:

Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Th là con đẻ của ông Nguyễn H và bà Trần Thị B. Bà M và bà Th thống nhất với ý kiến của bà B về khối di sản ông H để lại và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Đối với phần di sản được hưởng, bà M giao cho bà Trần Thị B sở hữu.

[5]-Ý kiến của các ông Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Đức A và Nguyễn Trường S: Thống nhất với ý kiến của bà B về khối di sản ông H để lại và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Đối với phần di sản được hưởng, giao cho bà Trần Thị B sở hữu.

[6]-Ý kiến của các ông bà Nguyễn Thị S: Bà Nguyễn Thị S đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị B.

[7]-Ý kiến của kiểm sát viên: TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển

hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bà Nguyễn Thị S không chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà S vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên đề nghị xét xử vắng mặt bà S.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]-Về việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Các ông bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị S và các ông bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường S theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]-Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của ông Nguyễn H trong khối tài sản chung với bà Trần Thị B tại xã B gồm các thửa đất số 675, 714, 215 và 262 tờ bản đồ số 25. Tại phiên tòa, bà B rút yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất số 215 và 262 tờ bản đồ số 25. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về chia thừa kế các thửa đất số 215 và 262 tờ bản đồ số 25.

[3]-Về hàng thừa kế và người thừa kế:

Ông Nguyễn H chết không để lại di chúc, do vậy những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Nguyễn H gồm vợ là bà Trần Thị B và các con là Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị B và Nguyễn Trọng H.

Ông Nguyễn Trọng H chết trước ông Nguyễn H nên các con của ông H gồm Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Đức A, Nguyễn Trường S là người thừa kế thế vị của ông H.

[4]-Về tài sản chung và di sản thừa kế:

Tại văn bản trả lời ý kiến, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất khối tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Trần Thị B mà bà B và bà Biều cầu chia gồm các thửa đất số 675, 714 tờ bản đồ số 25 xã B và ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất 675. Các thửa đất nêu trên đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn H và bà Trần Thị B.

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 02-2022 ngày 18/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất 675 có diện tích thực tế là 1.807,8m² giảm 222,3m² so với giấy chứng nhận QSD đất cấp năm 2017. Giá trị QSD đất theo giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương được định giá là 1.053.900.000đ.

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2023 ngày 16/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất 714 có diện tích thực tế là 792,2m² giảm 14,1m² so với giấy chứng nhận QSD đất cấp năm 2014. Giá trị QSD đất theo giá thực tế chuyển nhượng tại địa phương được định giá là 26.935.000đ.

Ngôi nhà có kết cấu tường xây gạch, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tơ cao 3,5m, diện tích xây dựng (8,3m x 6,5m), giá trị còn lại 43.424.000đ.

Nhà bếp có kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch, diện tích xây dựng (5,1m x 4,1m), giá trị còn lại 9.046.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 1.133.305.000 đồng.

[5]-Về việc chia tài sản chung của bà Trần Thị B với ông Nguyễn H và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn H:

5.1-Khoi tài sản được nêu tại mục [4] là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn H và bà Trần Thị B. Do vậy, ông H và bà B mỗi người được sở hữu 50% khối tài sản nêu trên.

Ông Nguyễn H chết không để lại di chúc nên di sản của ông H được chia theo pháp luật và được chia thành 07 kỷ phần.

Các ông bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thành Ch, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Đức A và Nguyễn Trường S có ý kiến giao phần di sản thừa kế của ông H cho bà Trần Thị B sở hữu. Do vậy bà B được nhận 04 kỷ phần di sản của ông H. Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S mỗi người được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế của ông H.

5.2-Về cách thức phân chia tài sản chung và di sản thừa kế:

Tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Trần Thị B gồm thửa đất số 675, 714 tờ bản đồ số 25 xã B và ngôi nhà trệt, tường xây gạch, mái ngói gắn liền với thửa đất 675. Theo Công văn số 68/UBND –ĐC ngày 01/8/2022 của UBND xã B thì thửa đất số 675 tờ bản đồ số 25 thuộc thôn Ngh xã B nằm trong vùng quy hoạch theo Quyết định 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Chu Lai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và nằm trong vùng quản lý theo Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam. Thửa đất 675 nằm trong vùng quy hoạch, thửa đất 714 là loại đất trồng cây hàng năm nên không được tách thửa vì vậy cần giao toàn bộ QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho một người sở hữu và người đó có trách nhiệm bồi trả giá trị cho những người khác.

Bà Trần Thị B được nhận là 50% tài sản thuộc sở hữu chung với ông Nguyễn H, tương đương số tiền 566.652.000đ.

Bà Trần Thị B được nhận 04 kỷ phần thừa kế di sản của ông Nguyễn H, tương đương số tiền 323.801.000đ.

Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị B mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế di sản của ông Nguyễn H, tương đương số tiền 80.950.000đ.

Bà Trần Thị B là người được nhận phần lớn khối tài sản, do vậy cần giao toàn bộ cho bà Trần Thị B sở hữu, bà Bích có trách nhiệm bồi trả giá trị di sản tương ứng với phần được nhận cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị B.

[6]-Về các vấn đề khác:

6.1-Đối với ngôi nhà bà Nguyễn Thị B xây dựng cho bà Trần Thị B trên thửa đất 675. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất ngôi nhà này là tài sản riêng của bà Trần Thị B, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

6.2-Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6.3-Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn. Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609, 623, 612, 613, 649, 650, 651, 652 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

[1]-Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Trần Thị B và ông Nguyễn H gồm:

- Quyền sử dụng diện tích đất 1.807,8m² tại thửa số 675 tờ bản đồ số 25 xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, trong đó có 300m² đất ở và 1.507.8m² đất trồng cây lâu năm. Giá trị QSD đất là 1.053.900.000đ.

- Quyền sử dụng diện tích đất 792,2m² tại thửa số 714 tờ bản đồ số 25 xã B Nam, huyện T, tỉnh Quảng Nam, loại đất trồng cây hàng năm. Giá trị QSD đất là 26.935.000đ.

- Ngôi nhà có kết cấu tường xây gạch, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tô cao 3,5m, diện tích xây dựng (8,3m x 6,5m), giá trị còn lại 43.424.000đ.

- Nhà bếp có kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch, diện tích xây dựng (5,1m x 4,1m), giá trị còn lại 9.046.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 1.133.305.000 đồng.

Trong đó:

- Phần của ông Nguyễn H là 50% (tương ứng với số tiền 566.652.000đ).

- Phần của bà Trần Thị B 50% (tương ứng với số tiền 566.652.000đ).

[2]-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị B. Chia tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Trần Thị B; chia thừa kế theo pháp luật di sản của Nguyễn H như sau:

2.1-Giao cho bà Trần Thị B được nhận quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản:

- Quyền sử dụng diện tích đất 1.807,8m² tại thửa số 675 tờ bản đồ số 25 xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, trong đó có 300m² đất ở và 1.507.8m² đất trồng cây lâu năm. Giá trị QSD đất là 1.053.900.000đ. Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 02-2022 ngày 18/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất 675 có tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Trịnh Thị Y, Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M và đường bê tông, Tây giáp đất màu bà Trần Thị B, Bắc giáp đất ông Phạm X và miếu xóm.

- Quyền sử dụng diện tích đất 792,2m² tại thửa số 714 tờ bản đồ số 25 xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, loại đất trồng cây hàng năm. Giá trị QSD đất là 26.935.000đ. Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2023 ngày 16/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất 714 có tứ cận Đông giáp đường ĐH, Tây và Nam giáp đất UBND xã quản lý, Bắc giáp đất ông Nguyễn H.

- Các tài sản gắn liền với thửa đất 675 gồm: Ngôi nhà có kết cấu tường xây gạch, mái lợp ngói, nền xi măng, ô tơ cao 3,5m, diện tích xây dựng (8,3m x 6,5m), giá trị còn lại 43.424.000đ. Nhà bếp có kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch, diện tích xây dựng (5,1m x 4,1m), giá trị còn lại 9.046.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 1.133.305.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi ba triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng y).

2.2-Bà Trần Thị B có nghĩa vụ bồi đắp tiền nhận di sản cho bà Nguyễn Thị B là 80.950.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng y*), cho bà Nguyễn Thị S 80.950.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng y*), cho ông Nguyễn Văn M 80.950.000đ (*Tám mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng y*).

2.3-Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nêu trên thì bà Trần Thị B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[3]-Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về chia thừa kế các thửa đất số 215 và 262 tờ bản đồ số 25 xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

[4]-Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn M được miễn.
- Bà Nguyễn Thị S phải chịu 4.047.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng y*).
- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 4.047.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng y*). Khấu trừ vào số tiền bà B đã nộp tạm ứng án phí là 3.500.000đ

theo Biên lai thu số 0005610 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, còn lại bà Nguyễn Thị B phải nộp 547.000đ.

[5]-Về quyền kháng cáo: Các ông bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn M và Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/9/2023). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

[6]- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Qnam

-VKSND huyện T

-Chi cục THADS T

-Những người tham gia tố tụng

-Lưu HS, VP

Nguyễn Công Min